

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN V

### Phẩm 4: NHƯ LAI TÁNH 2

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Ngài dạy, chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật. Nghĩa này không phải. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ, không có mật tạng. Như nhà ảo thuật điều khiển người máy, mọi người đều thấy co, duỗi, cúi, ngửa, nhưng chẳng biết bên trong điều khiển nó như thế nào. Pháp Phật không phải vậy, mà pháp Phật làm cho chúng sinh đều hiểu biết, thế sao lại nói chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật?

Phật khen Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Như lời ông nói, Như Lai thật không có tạng bí mật. Vì sao? Như trăng tròn đêm thu, hiện rõ trên không, trong suốt không bị che khuất, mọi người ai cũng thấy rõ. Lời nói của Như Lai cũng như vậy, mở bày, hiện rõ, trong suốt không bị che lấp. Người ngu không hiểu cho là tạng bí mật.

Nay thiện nam! Ví như có người cất giữ nhiều vàng bạc đến vô lượng ức, nhưng vì lòng keo kiệt nên chẳng muốn đem của cho người bên cùng, tích chứa như thế gọi là kho tàng bí mật. Như Lai lại không như vậy, trong vô lượng kiếp đã tích chứa vô số pháp báu vi diệu, tâm không boun sển, thường dùng để bố thí cho tất cả chúng sinh, thì sao gọi tạng bí mật của Như Lai.

Nay thiện nam! Ví như có người các căn không đầy đủ, hoặc chỉ còn một mắt, một chân, vì hổ thẹn không cho người khác thấy, người không thấy nên gọi là tạng bí mật. Như Lai không như vậy, có chánh pháp đầy đủ không thiếu sót khiến cho mọi người thấy biết thì

sao gọi tạng bí mật của Như Lai.

Này thiện nam! Ví như người nghèo khổ mắc nhiều nợ của người, lo sợ chủ nợ theo dõi nên trốn tránh không muốn gặp mặt gọi là ẩn tàng. Như Lai không như vậy, không mắc nợ chúng sinh về pháp thế gian, tuy mắc nợ chúng sinh về pháp xuất thế gian mà cũng không ẩn tàng. Vì sao? Vì Như Lai đối với chúng sinh xem như con một, nên thương vì họ mà giảng nói pháp vô thượng.

Này thiện nam! Ví như Trưởng giả có nhiều cửa báu mà chỉ có một người con, ông rất thương yêu con không muốn xa lìa, cửa cải có được đều chỉ cho con biết. Như Lai cũng vậy, xem chúng sinh như con một.

Này thiện nam! Như người đời vì nữ căn, nam căn xấu xí nên dùng y phục để che lại, nên gọi là che giấu. Như Lai không như thế, đã hoàn toàn đoạn các căn này, do không có các căn nên không cần gì che giấu.

Này thiện nam! Ví như Bà-la-môn có điều bàn luận, không bao giờ cho các giai cấp: Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la v.v... nghe. Vì sao? Vì trong những điều luận bàn này có những điều tội lỗi, xấu ác. Chánh pháp của Như Lai thì không như vậy, đầu, giữa, cuối đều tốt đẹp. Cho nên không gọi là tạng bí mật.

Này thiện nam! Ví như Trưởng giả chỉ có một người con, tâm thường thương yêu vô cùng, dẫn con đến nhà thầy, muốn cho con học hành nhưng sợ con không mau chóng thành tài, liền dắt con về. Vì thương con nên Trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho con nửa chữ mà không dạy luận Tỳ-già-la. Vì sao? Vì tuổi còn nhỏ, chưa đủ sức lãnh thọ.

Này thiện nam! Giả sử Trưởng giả dạy cho con nửa chữ xong thì đưa bé đó tức thời có thể biết được luận Tỳ-già-la không?

–Bạch Thế Tôn! Không thể biết.

Phật hỏi:

–Như vậy Trưởng giả đối với con mình có gì che giấu không?

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì đứa trẻ còn nhỏ tuổi, nên Trưởng giả không dạy, chẳng phải vì bí mật tiếc lẩn mà không nói.

Vì sao? Vì nếu có tâm ganh ghét tiếc lẫn che giấu thì mới gọi là giấu kín. Như Lai không như vậy thì sao gọi là tạng bí mật của Như Lai.

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như ông đã nói, nếu có tâm sân giận, ganh ghét, tiếc lẫn thì gọi là che giấu. Như Lai không có tâm sân giận, ganh ghét thì sao gọi là che giấu. Này thiện nam! Trưởng giả kia tức là Như Lai, người con là chỉ cho tất cả chúng sinh. Như Lai xem tất cả chúng sinh như con một, dạy cho con là dạy cho hàng Thanh văn, nửa chữ là chín bộ Kinh văn, luận Tỳ-già-la là chỉ cho kinh Phương Đẳng Đại Thừa. Vì hàng Thanh văn không có trí tuệ, cho nên Như Lai chỉ giảng nói chín bộ loại Kinh văn cho họ, dụ như nửa chữ; mà không giảng nói kinh Phương Đẳng Đại Thừa, dụ như Tỳ-già-la. Này thiện nam! Như đứa con của Trưởng giả kia đã khôn lớn, đủ sức đọc học, nếu không dạy luận Tỳ-già-la mới gọi là che giấu. Nếu hàng Thanh văn có sức lãnh thọ, có thể lãnh thọ kinh điển Đại thừa, nhưng Như Lai tiếc lẫn không dạy cho họ thì có thể nói Như Lai có sự che giấu.

Ví như trưởng giả kia dạy cho con nửa chữ rồi, kế đến dạy luận Tỳ-già-la. Ta nay cũng như thế, dạy cho đệ tử chín bộ loại kinh văn rồi, kế lại thuyết giảng kinh điển Đại thừa, đó là Như Lai trường tồn bất biến. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mùa hạ nhiều mây kéo đến, sấm chớp, tuôn mưa lớn xuống, khiến cho những người nông dân gieo trồng, thu hoạch nhiều cây trái. Người không gieo trồng thì chẳng thu hoạch được gì cả. Người không có gì để thu hoạch thì chẳng phải là lỗi của Long vương, vì Long vương này chẳng có gì che giấu. Như Lai cũng như vậy, tuôn mưa pháp lớn kinh Đại Niết-bàn. Nếu chúng sinh nào gieo trồng hạt giống tốt thì đạt được mầm, quả trí tuệ. Người không gieo trồng hạt giống tốt thì chẳng có gì thu hoạch. Người chẳng thu hoạch được gì thì không phải là lỗi của Như Lai, vì Như Lai thật chẳng có gì che giấu.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Nay con biết chắc chắn Như Lai Thế Tôn không có tạng bí mật. Như Phật đã nói, luận Tỳ-già-la chính là Như Lai thường tồn

bất biến, nghĩa này không phải như vậy. Vì sao? Vì ngày xưa Đức Phật có nói kệ:

*Chư Phật và Duyên giác  
Cùng với các đệ tử  
Còn bỏ thân vô thường  
Hưởng nữa là phàm phu.*

Nay Phật nói thân thường còn không biến đổi nghĩa này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta vì tất cả hàng đệ tử Thanh văn mà dạy nửa chữ nên nói kệ như vậy. Này thiện nam! Mẹ vua Ba-tư-nặc qua đời, nhà vua rất thương nhớ buồn khổ không thể vượt qua được liền đến gặp Ta. Ta hỏi: “Này đại vương! Sao đại vương quá buồn khổ như thế mà lại đến đây?”. Vua đáp: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay hoàng thái hậu băng hà, giả sử có ai làm cho mẹ tôi sống lại như xưa, tôi sẽ nhường ngôi, đem voi, ngựa, bảy báu cùng với thân mạng ban thưởng cho người đó”. Ta lại nói: “Này đại vương! Chớ buồn khổ than khóc, sự sống của tất cả chúng sinh chấm dứt gọi là chết. Hàng đệ tử Thanh văn, Duyên giác của Phật còn bỏ thân này hưởng gì là phàm phu!”.

Này thiện nam! Ta vì vua Ba-tư-nặc dạy nửa chữ nên nói kệ ấy. Ngày nay Ta vì hàng đệ tử Thanh văn nói luận Tỳ-già-la, nghĩa là Như Lai thường còn không biến đổi. Nếu có người nói Như Lai vô thường, sao lưỡi của người đó không bị rơi rụng!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Như lời Phật dạy:

*Không chứa nhóm gì  
Ăn uống biết đủ  
Giống như chim bay  
Chẳng còn dấu vết.*

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Trong chúng hội này, ai được gọi là không chứa nhóm? Ai được gọi là ăn uống biết đủ? Ai đi

trong hư không mà chẳng tìm ra dấu vết? Mà sự đi này là đi đến phương nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Luận về chứa nhóm là nói về của báu. Đây Ca-diếp! Chứa nhóm có hai thứ: Một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh văn. Chứa nhóm vô vi tức hạnh Như Lai. Đây thiện nam! Tăng cũng có hai loại hữu vi và vô vi. Tăng hữu vi gọi là hàng Thanh văn, Thanh văn Tăng không có chứa nhóm như là tôi tớ, vật phi pháp, kho đụn, lúa gạo, muối, đậu, mè, các loại đậu lớn, nhỏ. Nếu có người nói Như Lai cho phép nuôi tôi tớ hầu hạ và chứa những thứ như vậy thì lưỡi bị rút lại. Hàng đệ tử Thanh văn của Ta gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là ăn uống biết đủ. Nếu có người ăn uống quá độ gọi là không biết đủ. Người ăn uống điều độ gọi là biết đủ. Người mà dấu vết khó tìm tức là gần với đạo Bồ-tát vô thượng. Ta nói với người này dấu có đi mà không có thấy đến.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Hàng Tăng hữu vi còn không chứa nhóm hướng hồ là Tăng vô vi. Tăng vô vi chính là Đức Như Lai thì sao Như Lai lại chứa nhóm? Phạm chứa nhóm gọi là che giấu, cho nên Như Lai có nói ra điều gì đều không tiếc lẫn thì sao gọi là cất giấu? Dấu vết chẳng tìm được là Niết-bàn. Ở trong Niết-bàn không có mặt trời, mặt trăng, sao, ngày, đêm, lạnh, nóng, gió, mưa, sinh, lão, bệnh, tử, hai mươi lăm cõi, xa lìa các buồn khổ và các phiền não. Niết-bàn như vậy là chỗ ở của Như Lai thường không biến đổi. Vì nhân duyên này Như Lai đến rừng cây Ta-la đối với Đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nói đến chữ Đại là tánh rộng lớn, giống như có người sống lâu vô lượng gọi là đại tượng phu. Người ấy nếu có khả năng trụ trong chánh pháp thì gọi là người cao nhất trong loài người như tám điều giác ngộ của bậc đại nhân mà Ta đã dạy thì một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người có đủ tám điều tức là bậc tối thắng. Nói về Niết-bàn thì không có ung nhọt. Đây thiện nam! Ví như có người bị trúng tên độc đau nhức vô cùng, gặp được thầy thuốc

nhỏ tên độc ra cho loại thuốc hay liền hết đau nhức, được an vui. Vị lương y ấy đi đến phố phường, các xóm làng, ở đâu có người mắc bệnh ung nhọt, đau khổ liền đến điều trị. Nay thiện nam! Cũng vậy, Như Lai thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác làm vị đại lương y, thấy chúng sinh đau khổ trong cõi Diêm-phù-đề, trong vô lượng kiếp bị mũi tên độc phiền não tham, sân, si, chịu khổ sở vô cùng. Vì thế, Như Lai thuyết giảng kinh Đại thừa, là phương thuốc cam lồ, trị liệu ở đây xong, lại đến nơi khác, ở đâu có những tên độc phiền não liền thị hiện làm Phật để trị liệu cho họ, nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bát Niết Bàn là nơi giải thoát. Tùy theo nơi nào chúng sinh cần điều phục, Như Lai thị hiện vào trong chốn ấy. Do nghĩa chân thật sâu xa này nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật

–Bạch Thế Tôn! Vị lương y ở đời có thể trị lành bệnh ung nhọt cho tất cả chúng sinh không?

–Nay thiện nam! Ở đời bệnh ung nhọt có hai thứ. Một là có thể chữa trị. Hai là không thể chữa trị. Hễ bệnh có thể điều trị được thì lương y chữa ngay, nếu bệnh không thể điều trị được thì không chữa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Như lời Phật đã nói, Như Lai đã trị bệnh cho chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề. Nếu nói đã trị liệu rồi thì sao các chúng sinh đó lại còn có người chưa được Niết-bàn? Nếu có người chưa được Niết-bàn sao Như Lai bảo đã trị liệu hoàn tất mà muốn đến nơi khác?

–Nay thiện nam! Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề có hai hạng: Một là có niềm tin, hai là không có niềm tin. Người có niềm tin gọi là có thể chữa trị. Vì sao? Vì chắc chắn chứng Niết-bàn, không bị ung nhọt. Cho nên Ta nói đã trị bệnh cho chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề rồi. Người không có niềm tin gọi là Nhất-xiển-đề. Người Nhất-xiển-đề gọi là không thể chữa trị. Trừ người Nhất-xiển-đề ra, tất cả chúng sinh đều chữa trị xong, thế nên Niết-bàn gọi là không ung nhọt.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Niết-bàn?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Niết-bàn là giải thoát.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Giải thoát là sắc hay chẳng phải sắc?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Hoặc là sắc hoặc chẳng phải sắc. Nói chẳng phải sắc tức là sự giải thoát của Thanh văn, Duyên giác. Nói sắc tức là sự giải thoát của chư Phật Như Lai. Này thiện nam! Cho nên sự giải thoát là sắc cũng chẳng phải là sắc. Như Lai giảng nói chẳng phải là sắc cho hàng đệ tử Thanh văn.

–Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng phải là sắc thì làm sao được an trú?

–Này thiện nam! Như Phi tướng, phi phi tướng thiên cũng sắc chẳng phải sắc. Ta cũng giảng nói là chẳng phải sắc. Nếu có người chất vấn, Phi tướng, phi phi tướng thiên, nếu chẳng phải sắc thì làm sao đứng, đến, đi, cử động? Nghĩa như vậy thì cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Sự giải thoát cũng như vậy, sắc chẳng phải sắc, nói là chẳng phải sắc, tướng chẳng phải tướng, nói là chẳng phải tướng. Nghĩa như vậy thì cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn thương xót giảng nói rộng nghĩa giải thoát hạnh Đại Niết-bàn

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Giải thoát chân thật gọi là xa lìa tất cả trói buộc. Nếu giải thoát chân thật xa lìa các trói buộc thì không có sinh cũng không có hòa hợp. Ví như cha mẹ hòa hợp sinh ra con. Giải thoát chân thật không phải thế. Cho nên giải thoát gọi là bất sinh. Này Ca-diếp! Ví như đề hồ tánh nó tinh khiết. Cũng vậy, Như Lai chẳng do sự hòa hợp của cha mẹ mà sinh ra, nên bản tánh thanh tịnh. Sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn giáo hóa các chúng sinh. Giải thoát chân thật là Như Lai. Như Lai giải thoát không hai, không khác. Ví như mùa xuân gieo hạt, thời tiết ấm áp thì

cây liền nảy mầm, giải thoát chân chánh thì không như thế. Lại giải thoát là rỗng không, rỗng không tức là giải thoát. Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là rỗng không, chẳng tạo tác và chẳng có đối tượng tạo tác. Phàm cái tạo tác thì như thành quách lâu đài thành lũy. Chân giải thoát thì không như vậy. Cho nên giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm rồi lại phá. Sự giải thoát không như vậy. Chân thật giải thoát bất sinh, bất diệt. Thế nên giải thoát tức là Như Lai. Cũng vậy, Như Lai không sinh, không diệt, không già, không chết, không phá, không hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do nghĩa này nên gọi là Như Lai nhập Đại Niết-bàn. Không già, không chết nghĩa là thế nào? Già là biến đổi tóc bạc, mặt nhăn. Chết là thân bị hủy hoại, mạng sống kết thúc, trong pháp giải thoát không có những pháp như vậy. Không có những pháp như thế nên gọi là giải thoát. Như Lai không có pháp hữu vi như tóc bạc, mặt nhăn. Cho nên Như Lai không có già. Không có già nên không có chết. Lại giải thoát gọi là không bệnh. Bệnh là bốn trăm lẻ bốn bệnh và các bệnh bên ngoài xâm nhập vào thân. Ở đây không có các bệnh nên gọi là giải thoát. Không bệnh tức là chân giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bệnh nên pháp thân cũng không bệnh. Không bệnh như vậy tức là Như Lai. Chết là thân bị hủy hoại, mạng sống kết thúc. Ở đây không chết tức là cam lồ. Cam lồ ấy gọi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai thành tựu công đức như vậy thì sao cho rằng Như Lai vô thường? Nếu nói là vô thường thì không có việc này. Thân kim cang sao gọi là vô thường? Thế nên Như Lai không gọi là mạng chung. Như Lai thanh tịnh không cấu uế. Thân của Như Lai ở trong thai chẳng bị nhớ nhớt, như hoa sen trắng bản chất tinh khiết. Như Lai giải thoát cũng như vậy. Giải thoát như thế tức là Như Lai. Nên Như Lai thanh tịnh không cấu bẩn. Giải thoát là hoàn toàn không còn những ung nhọt, phiền não. Như Lai cũng vậy, không có tất cả các ung nhọt, phiền não. Lại giải thoát là không có đấu tranh. Ví như kẻ đói, thấy người khác ăn sinh lòng tham muốn giành giật. Giải thoát không vậy. Lại giải thoát là an tịnh. Người phàm phu cho rằng an tịnh là Đại tự tại thiên, lời nói này là hư dối. Chân thật an tịnh là giải



thoát hoàn toàn. Mà giải thoát hoàn toàn tức là Như Lai. Lại giải thoát là an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn. Thế nên an ổn là chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là không có bạn ngang hàng. Người có bạn ngang hàng như quốc vương có các quốc vương nước lân cận. Phàm giải thoát là không như thế. Người không có bạn ngang hàng như Chuyển luân Thánh vương, không có ai ngang bằng. Cũng vậy, giải thoát không có bạn ngang hàng. Không có bạn ngang hàng tức là chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai - bậc Chuyển luân Thánh vương, nên Như Lai không có bạn ngang hàng. Có bạn ngang hàng là điều không có. Lại giải thoát là không buồn phiền, có buồn phiền thì như quốc vương sợ nước lân cận hùng mạnh mà sinh lo buồn. Sự giải thoát không có việc đó. Ví như dẹp trừ các oán thù thì không còn lo sợ. Cũng vậy, giải thoát là không còn lo sợ. Không lo sợ tức là Như Lai. Lại giải thoát là không còn buồn vui. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con, có việc đi xa bỗng nghe tin con bị nạn rất sâu khổ, về sau, lại nghe con còn sống rất vui mừng. Trong sự giải thoát không có những điều như thế. Không lo mừng là chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không có trần cấu. Ví như mùa xuân, sau khi mặt trời lặn, gió thổi bụi bay mù mịt. Trong sự giải thoát không có việc đó. Không có bụi mù do chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Ví như viên minh châu trong búi tóc của Thánh vương không có cấu uế. Tánh giải thoát cũng không có cấu uế. Không có cấu uế dụ cho chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Như chất vàng ròng không lẫn tạp chất, cát, đá mới gọi là vàng ròng. Người nào được vàng ròng biết mình có của cải. Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng ấy dụ cho chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Như bình sành bị vỡ phát ra tiếng lạch cạch. Bình báu kim cương thì không như vậy. Sự giải thoát không như bình vỡ. Bình báu kim cương ví như chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Thế nên, thân Như Lai không bị hủy hoại. Tiếng bình vỡ kia như tiếng nổ của trái bầu dầu phơi nắng khi quá nóng. Việc giải thoát thì không như vậy. Như bình báu kim cương chân thật kia, không có

tiếng nổ lạch cạch. Giả sử có vô lượng trăm ngàn người đều cùng bắn vào bình đó, thì không thể làm bể được. Không có tiếng nổ lạch cạch dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như người nghèo mắc nợ của người khác, bị người khác trói buộc, gông cùm, xiềng xích, đánh đập, chịu các sự khổ nạn. Trong giải thoát không có việc như vậy, không có mắc nợ. Giống như Trưởng giả có nhiều của báu vô lượng ức số, thế lực tự tại, không mắc nợ của ai. Phàm giải thoát cũng lại như vậy, có nhiều vô lượng pháp tài quý giá, thế lực tự tại, không thiếu nợ ai. Không thiếu nợ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không bức bách, như ngày mùa xuân đi dưới nắng, ngày mùa hạ ăn ngọt, ngày mùa đông gặp giá lạnh. Trong chân giải thoát không có những sự không vừa ý như vậy. Không bức bách dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại bức bách giống người ăn cá thịt no, lại uống thêm sữa, thì người này kề cận với cái chết. Trong chân giải thoát không có sự như vậy, như người được thuốc hay cam lồ thì bệnh hoạn được tiêu trừ. Chân giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Thế nào là bức bách, không bức bách? Như hàng phàm phu ngã mạn tự cao, nghĩ: “Tất cả chúng sinh ai có thể hại được ta”. Nghĩ rồi liền bắt lấy rắn hổ, độc trùng. Nên biết người này chẳng hết thọ mạng thì sẽ bị chết bất ngờ. Trong chân giải thoát không như vậy.

Không bức bách là như Chuyển luân vương có ngọc thần trừ được chín mươi sáu loài trùng độc hại như bọ hung v.v. Nếu có người nghe hương của ngọc thần thì các thứ độc đều tiêu diệt. Chân giải thoát cũng như vậy, đều xa lìa hai mươi lăm cõi. Tiêu trừ độc dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Lại không bức bách như hư không, giải thoát cũng như vậy. Hư không dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Lại bức bách là như gân cỏ khô mà đốt đèn lửa thì dễ bị bắt cháy. Trong chân giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức bách là như mặt trời, mặt trăng không bức bách chúng sinh. Giải thoát cũng vậy, đối với chúng sinh không bức bách. Không bức bách dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như

Lai. Lại giải thoát gọi là pháp không động chuyển như oán thân. Trong chân giải thoát không có như vậy. Lại bất động là như Chuyển luân vương không có Thánh vương làm bạn thân. Nếu có bạn thân thì không có việc đó. Giải thoát cũng vậy, không có bạn thân. Nếu có bạn thân thì đó là việc không thể có. Thánh vương không có bạn thân dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai là pháp vậy. Lại không động chuyển ví như áo trắng để nhuộm màu. Giải thoát không như vậy. Lại không động chuyển như hoa Bà-sư muốn làm cho có mùi hôi và màu xanh thì không thể có được. Cũng vậy, giải thoát muốn có mùi hôi và các màu sắc cũng không thể có được. Cho nên giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là hy hữu. Như trong nước mọc lên hoa sen chẳng phải là hy hữu mà trong lửa mọc lên hoa sen mới là hy hữu, người thấy đều vui mừng. Chân giải thoát cũng như vậy, ai thấy cũng đều sinh tâm vui mừng. Sự hy hữu kia dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp thân. Lại hy hữu ví như trẻ con chưa mọc răng, dần dần lớn lên, sau đó răng mới mọc. Giải thoát không như vậy, không có sinh cũng bất sinh. Lại giải thoát gọi là rỗng không, vắng lặng, không có bất định. Bất định là như hạng Nhất-xiển-đề, hoàn toàn không dời đổi, phạm giới trọng thì không thành Phật đạo, không có việc đó. Vì sao? Vì nếu người ấy có lòng tin thanh tịnh đối với chánh pháp của Phật thì khi ấy liền trừ diệt được Nhất-xiển-đề. Hoặc nếu lại được làm Ưu-bà-tắc thì cũng trừ diệt được Nhất-xiển-đề. Người phạm giới trọng diệt được tội này thì sẽ thành Phật. Nếu nói hoàn toàn không dời đổi, không thành Phật, thì không có việc đó. Trong chân giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy. Lại rỗng không, vắng lặng thuộc về pháp giới, mà tánh của pháp giới là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Nếu Nhất-xiển-đề đã diệt hết thì không còn gọi là Nhất-xiển-đề. Vì sao gọi là Nhất-xiển-đề? Nhất-xiển-đề là diệt trừ tất cả thiện căn, tâm vốn không duyên vào tất cả pháp thiện, cho đến không sinh một niệm thiện. Trong chân giải thoát hoàn toàn không có những việc như thế. Không có những việc ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đồng thóc lượng của

nó có thể biết được. Chân giải thoát thì không như thế. Ví như biển lớn không thể đo lường. Giải thoát cũng thế, không thể suy lường. Không thể suy lường tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa giải thoát là vô lượng pháp. Như một chúng sinh có nhiều nghiệp báo. Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển cả không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là tối thượng. Như hư không cao hơn cả không gì sánh được. Cũng vậy, giải thoát cao hơn hết không gì sánh kịp. Cao không gì sánh kịp tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không thể vượt qua. Ví như chỗ ở của sư tử tất cả bách thú không thể vượt qua. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được, không gì có thể vượt qua được tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vô thượng. Ví như phương Bắc trên cả các phương. Giải thoát cũng vậy, không gì trên nữa. Không gì trên nữa tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là cao tột. Ví như phương Bắc đối với phương Đông là cao tột. Cũng vậy, giải thoát không có gì cao hơn. Không có gì cao hơn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là thường hằng. Ví như hàng trời người, khi thân hoại mạng chung gọi là hằng, chẳng phải không hằng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hằng. Chẳng phải không hằng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là kiên cố, như chiêm-đàn trầm thủy Khư-đà-la, tánh nó kiên cố. Giải thoát cũng vậy, tánh nó kiên cố. Tánh kiên cố tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không trống rỗng. Ví như tre lau, ruột của nó trống rỗng. Giải thoát không như vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không nhiễm ô. Ví như tường, vách khi chưa sơn, quét thì ruồi muỗi thích đậu vào. Nếu sơn, quét, chạm trở nhiều màu sắc sỡ, thì côn trùng nghe mùi sơn không đến đậu. Không đậu như vậy ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như xóm làng thì có giới hạn, giải thoát thì không

như vậy. Ví như hư không, không có giới hạn. Giải thoát cũng vậy, không có giới hạn. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim trong hư không, khó thấy như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là thâm diệu. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác không thể vào được. Không thể vào tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai, thâm diệu là chỗ cung kính của chư Phật, Bồ-tát. Ví như đứa con hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, công đức rất sâu xa. Công đức rất sâu dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không thấy được, như người không thể thấy đỉnh đầu của mình. Giải thoát cũng vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể thấy. Không thể thấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không không có nhà cửa, giải thoát cũng vậy. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không có nhà cửa dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là chẳng thể nắm bắt. Như trái A-ma-lặc người có thể nắm lấy. Giải thoát không như vậy, chẳng thể nắm bắt. Không thể nắm bắt tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không thể cầm giữ. Ví như vật huyền hóa không thể cầm giữ. Giải thoát cũng vậy, không thể cầm giữ. Không thể cầm giữ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không có thân thể. Ví như thân người sinh mụn nhọt, phong hủi, ung thư, điên cuồng gây ố. Trong chân giải thoát không có bệnh như vậy. Không bệnh như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là nhất vị. Như sữa có nhất vị. Giải thoát cũng vậy, chỉ có nhất vị. Nhất vị tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là thanh tịnh. Như nước không bùn, đứng lặng trong sạch. Giải thoát cũng như vậy, đứng lặng trong sạch. Đứng lặng trong sạch tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là nhất vị. Như giọt mưa trong hư không. Nhất vị thanh tịnh dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là trừ dục. Ví như trăng tròn không mây che. Giải thoát cũng vậy, không bị mây che. Không bị mây che tức là chân

giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vắng lặng. Ví như có người mắc bệnh nóng khi khỏi bệnh thì thân được vắng lặng. Giải thoát cũng vậy, thân được vắng lặng. Thân được vắng lặng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như nơi ruộng hoang, các loài rắn độc, chuột, sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như thế, không có tâm sát hại. Không có tâm sát hại tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại bình đẳng như tâm bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng như tâm bình đẳng ấy. Tâm bình đẳng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như người sống một mình ở tòa nhà cao đẹp sạch sẽ, không có chỗ nào khác nữa. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ khác. Không có chỗ khác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là biết đủ. Ví như người đói gặp được thức ăn ngon, ăn hoài không biết chán. Giải thoát không như thế. Như ăn cháo sữa không cần thứ gì nữa. Không cần thứ gì nữa dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là đoạn tuyệt. Ví như người bị trói, cắt đứt dây trói được giải thoát. Cũng vậy, giải thoát là đoạn dứt tất cả sự trói buộc của tâm nghi ngờ. Đoạn dứt nghi ngờ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là đến bờ bên kia. Ví như sông lớn có bờ này bờ kia. Giải thoát không như vậy, tuy không có bờ này mà có bờ kia. Có bờ kia tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là im lặng. Ví như biển cả, khi nước lớn có nhiều âm thanh. Giải thoát không như thế. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là mỹ. Ví như các loại thuốc trộn với trái A-lê-lặc thì có vị đắng. Giải thoát không như vậy, mùi vị như cam lồ. Mùi vị như cam lồ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là trừ các phiền não. Ví như lương y pha chế các loại thuốc trị lành các bệnh. Giải thoát cũng vậy, trừ các phiền não. Trừ các phiền não tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không hạn hẹp. Ví như nhà nhỏ không chứa được nhiều người. Giải thoát không như vậy, dung chứa được nhiều người. Dung chứa được nhiều tức là chân

giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là diệt tham ái, chẳng xen lẫn dâm dục. Ví như người nữ có nhiều tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Như vậy, Như Lai không có các phiền não, tham dục, sân giận, ngu si, kiêu nạm. Lại giải thoát là không ái nhiễm. Ái có hai loại: Một là ngã quý ái. Hai là pháp ái. Chân giải thoát xa lìa ngã quý ái. Vì thương yêu chúng sinh nên có pháp ái. Pháp ái tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là lìa ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát tức là diệt tận, xa lìa tham ái trong các cõi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát tức là cứu hộ, có thể cứu tất cả kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là chỗ quay về. Nếu có chỗ quay về nương tựa như vậy thì giải thoát không cầu nương tựa chỗ nào khác. Ví như có người nương tựa là vua, không cầu nương tựa ai khác. Tuy nương tựa vua nhưng có sự biến chuyển, còn nương tựa giải thoát không có sự biến chuyển. Không có sự biến chuyển tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là nhà cửa. Ví như có người đi giữa chốn hoang vắng thì có nguy hiểm. Giải thoát không như vậy, không có nguy hiểm. Không có nguy hiểm tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không sợ hãi. Như sư tử chúa đối với trăm thú không sợ hãi. Giải thoát cũng vậy, đối với các ma không sợ hãi. Không sợ hãi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không chật hẹp. Ví như đường hẹp hai người không thể cùng song hành. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại có giải thoát là không vội vã. Ví như có người sợ cọp mà té xuống giếng. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại có giải thoát là không trở ngại như đi vào biển lớn xả bỏ thuyền nhỏ chỉ giữ lại thuyền vững chắc. Ngồi trên thuyền ấy vượt biển thì đến nơi an ổn, tâm được vui mừng. Cũng vậy, giải thoát tâm được vui vẻ. Được vui vẻ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là trừ các nhân duyên. Ví như nhân nơi sữa mà có sữa đặc, nhân sữa đặc mà có váng sữa, nhân váng sữa mà được đề hồ.

Trong chân giải thoát đều không có nhân ấy. Không có nhân tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát có thể điều phục kiêu mạn. Ví như vua lớn kiêu mạn với vua nhỏ. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là chế ngự sự phóng túng vì phóng túng có nhiều tham dục. Trong chân giải thoát không có tên gọi ấy. Không có tên gọi ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là có khả năng diệt trừ vô minh. Ví như váng sữa hạo hạng được tinh lọc mới gọi là đề hồ. Cũng vậy, giải thoát diệt trừ căn bản vô minh, phát sinh chân minh. Chân minh như vậy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là tịch tĩnh, thuần nhất không hai. Như voi ở nơi hoang vắng, chỉ một mình mà không có bầy đàn. Cũng vậy, giải thoát là độc nhất vô nhị. Độc nhất vô nhị tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là chắc thật. Ví như tre, lau, cọng cây thầu dầu bên trong trống rỗng mà hạt thì cứng chắc. Ngoài Phật Như Lai ra, còn tất cả hàng trời người đều không chắc thật. Chân giải thoát là xa lìa tất cả hữu lưu. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là có thể hiểu rõ những lợi ích đối với ngã. Chân giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là lìa bỏ các hữu. Ví như có người ăn no rồi mà ói ra. Cũng vậy, giải thoát lìa bỏ các hữu. Lìa bỏ các hữu tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là quyết định. Như hương của hoa Bà-sư không có trong hoa Thất diệp. Giải thoát cũng vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là thủy đại. Ví như thủy đại hơn hẳn các đại khác, có khả năng thấm nhuần hạt giống của tất cả cây cỏ. Cũng vậy, giải thoát có khả năng thấm nhuần tất cả loài có sự sống. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là nhập vào. Như có cửa thông vào đường đến chỗ có vàng thì sẽ được vàng. Cũng vậy, giải thoát như cửa kia, người tu vô ngã thì sẽ được vàng trong ấy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo lời thầy dạy thì gọi là hay giỏi. Cũng vậy, giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là pháp xuất thế. Pháp ấy hơn hẳn tất cả các pháp. Như trong tất



cả các vị, vị đề hồ là hơn hết. Giải thoát cũng vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là bất động. Ví như cửa đóng, gió không thể làm động. Chân giải thoát cũng lại như thế. Giải thoát như thế tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không có sóng lớn. Như biển cả thì có sóng lớn. Giải thoát không như vậy, giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại giải thoát ví như cung điện. Giải thoát cũng như vậy, nên biết giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là chỗ dùng. Như vàng Diêm-phù-đề dùng được nhiều việc, không ai có thể nêu được nhược điểm của vàng này. Cũng vậy, giải thoát không có điểm yếu. Không có điểm yếu tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là xả bỏ hạnh anh nhi. Ví như người lớn xả bỏ hạnh của trẻ con. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là rốt ráo. Như người bị trời được thả ra, tắm rửa sạch sẽ, sau đó trở về nhà. Giải thoát cũng vậy rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh gọi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vui vô tác. Vui vô tác là trừ sạch tham dục, sân giận, ngu si. Ví như có người uống lầm thuốc độc. Vì trừ độc nên uống thuốc xổ, khi xổ hết thuốc độc thì thân được an vui. Cũng vậy, giải thoát tức là xổ ra những độc phiền não kiết sử trói buộc, thân tâm được an vui, gọi là vui vô tác. Vui vô tác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là đoạn trừ bốn phiền não độc hại. Đoạn trừ phiền não tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là xa lìa, xa lìa các hữu, diệt tất cả các khổ, đạt được sự an vui. Vĩnh viễn đoạn trừ các tham dục, sân giận, si mê, nhố sạch, đoạn trừ gốc rễ của các phiền não. Nhổ tận gốc rễ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là đoạn trừ tất cả các pháp hữu vi, sinh ra tất cả pháp thiện vô lậu. Đoạn trừ các đường bát lớp đó là ngã, vô ngã, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã. Chỉ đoạn sự chấp trước mà không đoạn cái thấy của ngã. Cái thấy của ngã gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là chẳng phải “không không”, “không không” là không sở hữu. Không sở hữu tức là sự chấp trước giải thoát của ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v...

Nhưng Ni-kiền-tử ấy thật ra không có giải thoát nên gọi là không không. Chân giải thoát thì không như vậy, nên gọi là chẳng không không. Chẳng không không tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không mà chẳng phải không. Ví như bình đựng nước, rượu, sữa đặc, váng sữa, mật v.v. Mặc dù khi không đựng nước, sữa đặc, váng sữa, mật cũng vẫn gọi là bình nước v.v. Các bình này không thể gọi không hay chẳng không. Nếu là không thì không có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói chẳng không thì lại không có nước, rượu v.v. Cũng vậy, chân giải thoát không thể nói sắc cùng với chẳng không sắc, không thể nói không cùng với chẳng không. Nếu nói không thì không thể có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói chẳng phải không thì ai là người thọ nhận thường, lạc, ngã, tịnh? Do nghĩa ấy cho nên không thể nói không cùng với chẳng không. Không là nói không có hai mươi lăm hữu và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hành hữu vi, như bình không có sữa đặc thì gọi là không. Chẳng không là nói thiện sắc chân thật thường, lạc, ngã, tịnh chẳng động, chẳng biến đổi. Giống như sắc, hương, vị, xúc của bình kia gọi là chẳng không. Cho nên giải thoát dụ như chiếc bình kia. Bình kia gặp duyên thì bị tan vỡ. Giải thoát không như vậy, không thể tan vỡ. Không thể tan vỡ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là lìa tham ái. Ví như có người tâm tham ái muốn ngôi vị của Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm thiên vương, Tự Tại thiên vương. Giải thoát không như vậy. Khi thành tựu Chánh giác vô thượng rồi thì không ái, không nghi. Không ái, không nghi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Nếu nói giải thoát có ái, có nghi thì điều này không thể có. Lại giải thoát gọi là đoạn trừ các hữu tham, đoạn trừ tất cả các tướng, tất cả sự trói buộc, tất cả các phiền não, tất cả sinh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Tất cả chúng sinh vì sợ phiền não, sinh tử cho nên thọ trì Tam quy. Ví như bấy nai sợ người thợ săn, nhảy thoát được một nhảy thì dụ như một quy. Nhảy ba nhảy như vậy dụ cho Tam quy. Do nhảy ba nhảy nên được an vui. Cũng vậy, chúng sinh sợ bốn loài ma như thợ săn ác nên thọ Tam quy y. Do thọ Tam quy y nên được an lạc.

Được an lạc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Niết-bàn, Phật tánh, quyết định, Như Lai là một nghĩa thì sao nói có Tam quy y?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh vì sợ sinh tử nên cầu Tam quy. Nhờ Tam quy mà biết được Phật tánh, quyết định, Niết-bàn. Này thiện nam! Có pháp tên một mà nghĩa khác. Có pháp tên và nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác là Phật thường, Pháp thường, Tỳ-kheo Tăng thường, Niết-bàn, hư không cũng đều thường. Đó gọi là tên một mà nghĩa khác. Tên và nghĩa đều khác là Phật gọi là giác, pháp là chẳng phải giác, Tăng là hòa hợp, Niết-bàn là giải thoát, hư không là chẳng phải thiện, cũng gọi là vô ngại. Đó là tên và nghĩa đều khác. Này thiện nam! Tam quy y cũng như vậy, danh nghĩa đều khác, thì sao gọi là một được? Vì thế, cho nên Ta bảo với Ma-ha Bà-xà-bà-đề: “Này Kiều-đàm-di! Chớ cúng dường Ta, nên cúng dường chúng Tăng. Nếu cúng dường Tăng là đã cúng dường đầy đủ Tam quy”. Ma-ha Bà-xà-bà-đề thưa với Ta: “Trong chúng Tăng không Phật không Pháp thì sao nói rằng cúng dường chúng Tăng là cúng dường đầy đủ Tam quy?”. Ta lại bảo: “Bà làm theo lời của Ta đó là cúng dường Phật, vì giải thoát tức là cúng dường Pháp, chúng Tăng lãnh thọ tức là cúng dường Tăng”. Này thiện nam! Cho nên Tam quy chẳng phải là một. Này thiện nam! Hoặc có lúc Như Lai nói một là ba, hoặc nói ba là một. Nghĩa như vậy thì cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, rốt ráo an vui gọi là Niết-bàn, nghĩa này là thế nào? Phạm Niết-bàn là xả bỏ thân trí, mà xả bỏ thân trí thì ai sẽ thọ lãnh sự an vui?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người ăn rồi buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói xong trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh ta: “Bây giờ bệnh đã khỏi hẳn chưa mà trở vào nhà?”. Người ấy đáp: “Đã khỏi bệnh, thân được an ổn”. Như Lai cũng vậy, hoàn toàn xa lìa hai mươi lăm cõi, vĩnh viễn đạt đến cảnh giới Niết-bàn an vui, không thể lay chuyển, không thể diệt tận tất cả thọ gọi là không thọ lạc. Không thọ lạc như vậy gọi là thường lạc. Nếu nói Như Lai thọ lạc thì không có điều này. Thế nên an lạc hoàn toàn tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bất sinh bất diệt là giải thoát sao?

–Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nam! Bất sinh bất diệt tức là giải thoát. Giải thoát như thế tức là Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu bất sinh bất diệt là giải thoát, thì tánh của hư không cũng không sinh diệt, đáng lẽ gọi là Như Lai vì như tánh Như Lai là giải thoát.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Việc này không phải vậy.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không phải vậy?

–Này thiện nam! Như tiếng thanh diệu của chim Ca-lăng-già và chim mạng mạng có đồng với tiếng chim quạ, chim khách không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Tiếng của chim quạ, chim khách so với tiếng của chim mạng mạng thì trăm ngàn vạn lần không thể sánh bằng. Bạch Thế Tôn! Chim Ca-lăng-già tiếng của chúng vi diệu, thân cũng không giống thì sao Như Lai lại đem so sánh với chim quạ, chim khách, chẳng khác nào đem hạt đĩnh lịch so với núi Tu-di? Đức Phật sánh với hư không cũng lại như vậy. Tiếng của chim Ca-lăng-già có thể dụ cho tiếng của Phật, không thể đem dụ cho tiếng chim quạ, chim khách.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay ông hoàn toàn thông suốt pháp sâu xa khó hiểu này. Có lúc vì nhân duyên Như

Lai dẫn hư không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Chân giải thoát thì tất cả hàng trời, người không ai sánh bằng. Hư không kia thật cũng chẳng phải dùng để thí dụ. Nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên dùng hư không chẳng phải ví dụ để làm ví dụ. Nên biết giải thoát tức là Như Lai. Tánh của Như Lai tức là giải thoát. Giải thoát cùng với Như Lai không hai không khác.

Này thiện nam! Chẳng phải ví dụ là, như vật không gì sánh bằng thì không thể lấy làm ví dụ được. Vì có nhân duyên nên có thể lấy làm ví dụ. Như trong kinh có nói, diện mạo đoan chánh như mặt trăng rằm. Voi trắng tinh anh giống như núi Tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi Tuyết chẳng được như voi trắng. Này thiện nam! Không thể dùng ví dụ để dụ chân giải thoát. Vì hóa độ chúng sinh, nên nêu ra ví dụ. Nhờ các ví dụ mà biết được tánh của các pháp đều như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Vì sao Như Lai nói hai loại như thế?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như có người tay cầm dao kiếm với lòng giận dữ muốn hại Như Lai. Như Lai vẫn vui vẻ không tỏ ra giận dữ. Người ấy có thể hại được thân Như Lai để trở thành tội nghịch không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì cảnh giới của thân Như Lai không thể phá hoại được. Vì sao? Vì thân Như Lai chẳng phải là thân năm ấm chỉ có pháp tánh. Tánh của pháp tánh, lý không thể phá hoại, thì người ấy đâu có thể hoại được thân Như Lai. Nhưng vì tâm ác nên thành tội vô giá. Do nhân duyên này nên dẫn các ví dụ để hiểu được pháp chân thật.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ví như người con ác muốn hại mẹ, ở bên đồng thóc nơi đồng vắng, người mẹ đem cơm đến, người con thấy mẹ liền muốn hại, lập tức đi mài dao. Khi ấy, người mẹ biết được nên trốn vào trong đồng thóc. Người con cầm dao chém khắp đồng thóc, chém xong tưởng đã giết được mẹ nên rất

vui mừng. Sau đó mẹ ông ta từ trong đồng thóc chui ra trở về nhà. Ông nghĩ thế nào? Người con đó có tạo tội vô gián không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Không thể quyết định được. Vì sao? Vì nói có tội thì thân người mẹ đáng lẽ phải bị hoại, nhưng thân của người mẹ không bị hoại thì sao nói thành tội được? Nếu nói không có tội cũng không được, vì người con sinh tưởng đã giết hại và tâm vui mừng thì sao nói là không có tội? Người con tuy không đầy đủ tội nghịch mà là tội nghịch. Vì nhân duyên đó dẫn các ví dụ để biết được pháp chân thật.

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Do nhân duyên ấy nên Như Lai nói đủ các phương tiện ví dụ để ví dụ cho giải thoát. Tuy dùng vô lượng vô số ví dụ nhưng thật không thể đem ví dụ để so sánh. Hoặc có nhân duyên cũng có thể nói ví dụ, hoặc có nhân duyên không thể nói ví dụ. Cho nên giải thoát là thành tựu vô lượng công đức như vậy để hướng đến Niết-bàn. Niết-bàn Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do thành tựu viên mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con mới biết chỗ hướng đến của Như Lai, là chỗ không cùng tận. Chỗ đến không cùng tận thì nên biết thọ mạng cũng không cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Nay thiện nam! Nay ông có thể hộ trì chánh pháp. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn đoạn trừ sự trói buộc của phiền não và các kiết sử thì phải nên hộ trì chánh pháp như vậy.

